**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**
**TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 8 – 2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trúc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phước .

Ông Hà Văn Châu.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2024/TLST–HNGĐ, ngày 02/02/2024, về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Thanh H, sinh ngày 04/3/1985. Địa chỉ: số C đường C, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Danh Na R, sinh ngày 15/6/1982. Địa chỉ: số F S, Khóm C, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Thạch Thị Thanh H trình bày:*

Bà H và ông Danh Na R tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2008, quyển số 01 ngày 17/12/2008. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc và không có mẫu thuẫn. Khoảng thời gian gần đây thì ông Na R tính tình thay đổi, ông Na R không quan tâm chăm sóc vợ, giữa ông bà không còn chung sống cùng nhau từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay bà H đã ly thân và bà H đang sống tại nhà cha mẹ. Ông bà đã nhiều lần trao đổi với nhau để khắc phục nhưng đến nay cuộc sống hôn nhân của ông bà đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai người không thể bàn bạc để có tiếng nói chung. Trong quá trình chung sống, ông bà không có con chung,

con nuôi; không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông R.

- *Bị đơn ông Danh Na R,* trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Danh Na R và Tòa án đã triệu tập ông Na R tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông R vắng mặt.

- *Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh:* Bị đơn không phản đối các tình tiết sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[2] Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" là không chính xác. Do các đương sự có đăng ký kết hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định lại là "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Thanh H và ông Danh Na R tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2008, quyển số 01 ngày 17/12/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Na R là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Na R.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H trình bày không có con chung hay con nuôi, ông Na R không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung, ông Na R không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Danh Na R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Thanh H.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Thanh H được ly hôn với ông Danh Na R.

2/. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H trình bày không có con chung hay con nuôi, ông Na R không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung, ông Na R không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Thạch Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001411 ngày 10-01-2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí.

Ông Danh Na R không phải chịu án phí.

5/. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường 7, thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Trúc Phương**